

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hòa; bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Vĩ Khang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thành T, sinh năm 1992; cư trú tại: Khu phố H, đặc khu P, tỉnh An Giang. Căn cước công dân số: 091092007374, do Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 16/02/2022.

Bị đơn: Chị Phan Thị P, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp B, xã L, tỉnh Tây Ninh. Chứng minh nhân dân số: 291096385, do Công an tỉnh T cấp ngày 02/8/2010.

Anh T, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Thành T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị P tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh thì hiện nay đã ly thân do vợ anh sống không có trách nhiệm với gia đình. Hai vợ chồng đã sống ly thân, chị P bỏ về quê Tây Ninh sinh sống đến nay. Do hôn nhân thực tế không còn tồn tại, nay không còn tình cảm vợ chồng, nên anh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh và chị P chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Thanh H, sinh ngày 27/7/2019. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết chị Phan Thị P trình bày:

* **Về hôn nhân:** Chị và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh An Giang.

Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T từ khi về sống chung vợ chồng thì hạnh phúc bình thường nhưng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, dẫn đến sống chung thường hay cãi nhau nên đã đến ly thân, năm 2023 chị về Tây Ninh sinh sống. Vợ chồng sống riêng từ năm 2023 đến nay. Xét thấy hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không có tiếng nói chung, hôn nhân thực tế không tồn tại, sống ly thân đã lâu nay không còn tình cảm vợ chồng. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

* **Về con chung:** Chị và anh T có 01 con chung tên Trần Thị Thanh H, sinh ngày 27/7/2019, nếu ly hôn chị đồng ý để anh T nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

* **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị T, chị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T, chị P.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho anh Trần Thành T được ly hôn với chị Phan Thị P.

+ Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thanh H, sinh ngày 27/7/2019 cho anh Trần Thành T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh T, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Thành T, chị Phan Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của anh T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A năm 2019, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của anh T, chị P và chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Anh T và chị P tự nguyện chung sống vợ chồng, nhưng sống chung không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Xét thấy, hôn nhân thực tế giữa anh T và chị P không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận. Cho anh Trần Thành T được ly hôn với chị Phan Thị P.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị P có 01 con chung tên là Trần Thị Thanh H, sinh ngày 27/7/2019, hiện tại con chung đang sống cùng với anh T. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, quá trình giải quyết chị P đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, giao con chung cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận tạm thời anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Phan Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Trần Thành T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Thành T. Cho anh Trần Thành T được ly hôn với chị Phan Thị P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thanh H, sinh ngày 27/7/2019 cho anh Trần Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận tạm thời anh Trần Thành T không yêu cầu chị Phan Thị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Phan Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh Trần Thành T, chị Phan Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Thành T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006710 ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh T đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho anh Trần Thanh T1 và chị Phan Thị P biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 - TN;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường An Thới;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn